TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 25/3/2024
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Hữu Luynh;

2. Bà Phan Thị Hoài Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Tiến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Minh Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm: 1974; Địa chỉ: thôn Lạc Nghiệp, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: ông Vũ An B; sinh năm: 1970; Địa chỉ: thôn Lạc Nghiệp, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *(có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị S trình bày: bà và ông Vũ An B sau khi tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông B chung sống không hạnh phúc vì ông B rất vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con do đó mọi việc trong gia đình chủ yếu do bà gánh vác. Vì thương các con nên bà cố gắng chịu đựng nhưng cho đến nay bà cho rằng không còn tình cảm với ông B nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Vũ An B.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Vũ An B trình bày: ông thừa nhận ông và bà Trương Thị S chung sống với nhau từ năm 1994, có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông và bà S có những bất hòa và có thể giải quyết được nên vợ chồng lại chung sống hòa thuận nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì lại tiếp tục mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Hiện ông và bà S không còn chung sống với nhau nữa. Bà S yêu cầu ly hôn thì ông không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: bà Trương Thị S và ông Vũ An B thống nhất xác nhận có 03 con chung là Vũ Trương Bảo Nhi, sinh năm: 1997, Vũ An Duy, sinh năm: 1999, Vũ Trương Bảo Châu, sinh năm 2002. Hiện các con chung đã thành niên, có thể tự chăm sóc bản thân nên không cần phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị S và Ông Vũ An B thống nhất sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, ông B có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận bà Trương Thị S và ông Vũ An B là vợ chồng. Về tài sản chung và nợ chung bà Trương Thị S và ông Vũ An B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến. Về án phí buộc bà Trương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trương Thị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Vũ An B. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Trương Thị S với bị đơn là ông Vũ An B. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Tu Tra, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà S yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án vì bị đơn ông Vũ An B có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai

chứng cứ vắng mặt ông B, thông báo kết quả phiên họp cho ông B được biết theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ An B có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho ông B theo quy định.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị S và ông Vũ An B đều xác nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đơn xác nhận vợ chồng do bà S cung cấp đề ngày 03/11/2017 ban thôn Lạc Nghiệp có xác nhận ông bà đã kết hôn và có 3 người con. Nội dung đơn này bà S và ông B cho rằng có cưới nhau năm 1994 và có đăng ký kết hôn nhưng giấy kết hôn bị thất lạc. Tại phiên tòa, bà S cho biết sở dĩ bà làm đơn xin chính quyền địa phương xác nhận nói trên là vì mục đích để vay được tiền ngân hàng có vốn làm ăn chứ ông bà không có đăng ký kết hôn. Theo công văn số 168/UBND-Tp ngày 09/11/2023 của UBND xã Tu Tra cho Tòa án được biết thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa ông B và bà S.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".*

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tài khoản 1 Điều 14 Luật này".*

Như vậy việc bà S và ông B chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Việc bà S khởi kiện xin ly hôn với ông B thì Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị S và ông Vũ An B.

[2.2] Về con chung: Bà Trương Thị S và ông Vũ An B đều xác nhận có 03 con chung là Vũ Trương Bảo Nhi, sinh năm: 1997, Vũ An Duy, sinh năm: 1999, Vũ Trương Bảo Châu, sinh năm 2002. Hiện các con chung đã thành niên, có thể tự chăm sóc bản thân nên không cần phải nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị S và ông Vũ An B thống nhất tự thỏa thuận giải quyết, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà Trương Thị S và ông Vũ An B có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 205, 207, 220, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị S. Không công nhận bà Trương Thị S và ông Vũ An B là vợ chồng.

3. Về án phí: Buộc bà Trương Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0013823 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà Trương Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ An B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị S có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng ông Vũ An B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Đơn Dương;
- UBND xã Tu Tra;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
đã ký

Lê Đình Anh Vũ